

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT KHẢI PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT KHẢI PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHAI PHAT TECHNICAL TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KHAI PHAT TECHNICAL TRADING CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2401001607

**3. Ngày thành lập:** 25/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

37 Lý Tử Tấn, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0347554287

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                    | 4662        |
| 2.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                               | 4773        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                     | 4652(Chính) |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                      | 4690        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                            | 2599        |
| 6.  | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                    | 2731        |
| 7.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                 | 2732        |
| 8.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                | 2733        |
| 9.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                              | 2750        |
| 10. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                            | 2790        |
| 11. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                   | 2013        |
| 12. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                           | 2220        |
| 13. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                  | 2392        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                          | 2393        |
| 15. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                         | 1410        |
| 16. | In ấn                                                                                                  | 1811        |
| 17. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                               | 1812        |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                            | 5210        |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                      | 4669        |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741        |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 22. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                             | 4761 |
| 23. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                     | 4771 |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                     | 5610 |
| 25. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                              | 5630 |
| 26. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                           | 3211 |
| 27. | Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan                                                       | 3212 |
| 28. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                              | 3320 |
| 29. | Phá dỡ                                                                                               | 4311 |
| 30. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312 |
| 31. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                       | 4329 |
| 33. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                       | 4330 |
| 34. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                  | 4390 |
| 35. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                   | 4530 |
| 36. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                | 4543 |
| 37. | Bán buôn thực phẩm                                                                                   | 4632 |
| 38. | Bán buôn đồ uống                                                                                     | 4633 |
| 39. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                           | 2610 |
| 40. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                         | 2592 |
| 41. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                   | 4649 |
| 42. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                      | 4659 |
| 43. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663 |
| 44. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                  | 4651 |
| 45. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                       | 4933 |
| 46. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                            | 8230 |
| 47. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                         | 9521 |
| 48. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                  | 9522 |
| 49. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                | 9524 |
| 50. | Quảng cáo                                                                                            | 7310 |
| 51. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                       | 7410 |
| 52. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                | 4322 |
| 53. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                       | 4631 |
| 54. | Sản xuất giày, dép                                                                                   | 1520 |
| 55. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                     | 2219 |

